

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 22-7-2022

V/v xin ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 tháng 6 và ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2022/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về xin ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CL bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2022/QĐ-PT ngày 01/6/2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15/2022/QĐ-PT ngày 22/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đinh Văn L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 685, ấp 6, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp 6, xã PM, huyện CL, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Luật sư Nguyễn Văn Hiếu, Văn phòng luật sư Minh Hiếu thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp 6, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị H: Chị Trần Thị H theo văn bản ủy quyền ngày 08/02/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Đinh Văn L là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Ông L và bà H quen biết nhau tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới năm 1997, vợ chồng có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/11/2002. Vợ chồng sống chung với nhau lúc đầu hạnh phúc. Nhưng khoảng thời gian gần đây vợ, chồng thường xuyên mâu thuẫn do không còn hòa hợp nhau trong quan điểm sống. Từ đó hạnh phúc không còn và tình cảm vợ chồng cũng vơi dần theo năm tháng và hết.

Nay, ông Đinh Văn L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Văn Tấn, sinh ngày 10/02/1998 và Đinh Thị Kim Xuân, sinh ngày 20/12/1998. Hiện các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm:

+ 01 căn nhà cấp 4, ngang 5m, dài 20m, diện tích 100m² thuộc thửa 2770, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp 6, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp do Trần Thị H đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, giá trị là 600.000.000đồng. Hiện nay do Trần Thị H quản lý sử dụng.

+ 01 căn nhà cấp 4, cất trên diện tích 74m² thuộc thửa 164, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu dân cư ấp 6, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp do Đinh Văn L đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, giá trị là 200.000.000 đồng. Hiện nay do Đinh Văn L quản lý sử dụng.

+ 01 chiếc xe honda hiệu SH Mode, biển số 66F1-690.08, giá 50.000.000đồng do Trần Thị H đứng tên giấy đăng ký xe và quản lý sử dụng.

+ 01 chiếc xe YAMAHA hiệu Nouvo, biển số 66G1-074.28, giá 15.000.000đồng do Đinh Văn L đứng tên giấy đăng ký xe và quản lý sử dụng.

+ Tiền mặt là 115.000.000 đồng do ông L quản lý. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông thừa nhận có nhận từ bà H số tiền là 120.000.000 đồng.

Khi ly hôn ông L yêu cầu chia đôi số tài sản nêu trên cụ thể:

+ Đối với căn nhà cấp 4, ngang 5m, dài 20m, diện tích 100m² (đo đạc thực tế 91,5m²) thuộc thửa 2770, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp 6, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp do Trần Thị H đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, giá trị là 600.000.000 đồng. Hiện nay do Trần Thị H quản lý sử dụng. Ông L đồng ý giao cho bà H tiếp tục quản lý sử dụng, ông L yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản theo định giá.

+ Căn nhà cấp 4 (Qua kết quả đo đạc thực tế diện tích xây dựng căn nhà là 72,8m²) và diện tích đất là 74m² thuộc thửa 164, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu dân cư ấp 6, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp do Đinh Văn L đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, giá trị là 200.000.000 đồng. Hiện nay do Đinh Văn L quản lý sử dụng. Ông L yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng và đồng ý giao cho bà H ½ giá trị tài sản theo định giá.

+ Chiếc xe honda hiệu SH Mode, biển số 66F1-690.08, giá 50.000.000 đồng do Trần Thị H đứng tên giấy đăng ký xe và quản lý sử dụng. Ông L đồng ý giao cho bà H tiếp tục quản lý sử dụng, ông L yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản theo định giá.

+ Chiếc xe YAMAHA hiệu Nouvo, biển số 66G1-074.28, giá 15.000.000 đồng do Đinh Văn L đứng tên giấy đăng ký xe và quản lý sử dụng. Ông L yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng và đồng ý đưa cho bà H ½ giá trị tài sản theo định giá.

+ Ông L đồng ý giao cho chị H 1/2 tiền mặt là 60.000.000 đồng.

- Ông Đinh Văn L không đồng ý trả lại xe YAMAHA hiệu Nouvo, biển số 66G1-074.28 theo yêu cầu độc lập của chị Trần Thị Ngọc H vì đây là tài sản chung của vợ chồng.

Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo đạc, biên bản định giá và tại phiên tòa sơ thẩm, ông L thống nhất giá trị thửa đất, các căn nhà trên đất và các tài sản đang tranh chấp theo kết quả định giá của cơ quan định giá.

- Ông Đinh Văn L thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2020, 27/01/2021 và sơ đồ đo đạc ngày 27/01/2021 của Tòa án và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CL; Biên bản định giá tài sản ngày 15/4/2021 của Hội đồng định giá. Từ thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 27/01/2021 đến nay thì phần đất, vật kiến trúc đang tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm ông L thừa nhận bà H đã bỏ ra 167.000.000 đồng để đóng cho bà Chín Cảnh, nay bà H yêu cầu ông L phải trả lại cho bà $\frac{1}{2}$ số tiền 167.000.000 đồng là 83.500.000 đồng, ông đồng ý giao lại theo yêu cầu của bà H.

Ngoài ra phía nguyên đơn không tranh chấp thêm bất cứ vấn đề nào khác, cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo đơn phản tố, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất và đồng ý với lời trình bày và yêu cầu ly hôn của ông L. Chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Văn Tấn, sinh ngày 10/02/1998 và Đinh Thị Kim Xuân, sinh ngày 20/12/1998. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H trình bày, vợ chồng có các tài sản chung như sau:

+ 01 căn nhà cấp 4 (Qua kết quả đo đạc thực tế diện tích xây dựng căn nhà là 72,8m²) và đất diện tích 74m², thửa 164, tờ bản đồ số 13, tại khu dân cư Kinh Bảy Thước, thuộc ấp 6, xã PM, huyện CL, giá trị nhà và đất là 200.000.000 đồng, do ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông L đang quản lý, sử dụng nhà và đất và 180.000.000 đồng tiền mặt do ông L đang quản lý.

Khi ly hôn, bà H yêu cầu chia tài sản chung như sau: Bà H yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất theo định giá và 90.000.000 đồng tiền mặt.

Các tài sản trên có được trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

Đối với: 01 căn nhà ngang 5m, dài 20m, xây dựng năm 2019 được xây dựng trên phần đất do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất của mẹ bà H cho bà H), tại ấp 6, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp, do bà và các con chung đang quản lý, sử dụng, giá trị tổng cộng khoảng 600.000.000 đồng và 01 chiếc xe SH Mode, biển số 66F1-690.08 do bà đứng tên và quản lý, sử dụng. Các tài sản này, không phải là tài sản chung của vợ chồng, mà là tài sản riêng của bà do chị H bỏ tiền ra để xây dựng nên bà không đồng ý chia cho ông L.

Đối với: 01 chiếc xe YAMAHA biển số 66G1-074.28, do ông Đinh Văn L đứng tên và quản lý, sử dụng là tài sản của chị Trần Thị Ngọc H (con riêng của chị) mua của bà Trần Thị Tám năm 2016, giá 21 triệu đồng. Đây là tài sản riêng của chị H nên bà không đồng ý chia cho ông L.

Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo đạc, biên bản định giá và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H thống nhất giá trị thửa đất, các căn nhà trên đất và các tài sản đang tranh chấp theo kết quả định giá của cơ quan định giá.

- Chị Trần Thị H thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2020, 27/01/2021 và sơ đồ đo đạc ngày 27/01/2021 của Tòa án và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CL; Biên bản định giá tài sản ngày 15/4/2021 của Hội đồng định giá. Từ thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 27/01/2021 đến nay thì phần đất, vật kiến trúc đang tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tuy nhiên, sau khi bà hốt hui được số tiền là 180.000.000 đồng bà đã đưa cho ông L toàn bộ số tiền này. Sau đó, bà phải đóng hui chết cho bà Chín Cảnh (chủ thảo) số tiền là 167.000.000 đồng, ông L cũng đã thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 25/8/2020 của Tòa án huyện CL. Bà đã bỏ ra 167.000.000 đồng để đóng cho bà Chín Cảnh, nay bà yêu cầu ông L phải trả lại cho bà $\frac{1}{2}$ số tiền 167.000.000 đồng là 83.500.000 đồng.

Ngoài ra, không còn nợ ai khác và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Ngoài ra phía bị đơn không tranh chấp thêm bất cứ vấn đề nào khác, cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị H về phần tài sản chung và nợ là ông Nguyễn Văn Hiếu thống nhất theo phần trình bày của chị H.

- Ông Nguyễn Văn Hiếu thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2020, 27/01/2021 và sơ đồ đo đạc ngày 27/01/2021 của Tòa án và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CL; Biên bản định giá tài sản ngày 15/4/2021 của Hội đồng định giá. Từ thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 27/01/2021 đến nay thì phần đất, vật kiến trúc đang tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng.

Tất cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của các thửa đất nói trên hiện nay do bà H, ông L đang quản lý, không có thể chấp hay cầm cố cho ai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ, liên quan chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Chị là con riêng của bà Trần Thị H, nay ông Đinh Tấn L có đơn yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị H và có yêu cầu tài sản chung, trong đó có tài sản chung ảnh hưởng đến quyền lợi của chị nên chị không thống nhất với yêu cầu của ông L. Đối với tài sản là chiếc xe Yamaha Novo biển số 66G1-07428 là do chị mua của bà Trần Thị Tắm vào năm 2016, mua bán bằng giấy tay, chưa có sang tên, với số tiền là 21.000.000đ, đã trả tiền xong. Sau khi mua thì chị để lại nhà cho bà H sử dụng, do chị đi làm ăn xa, nhưng thực tế thì ông L là người thường xuyên quản lý và sử dụng. Nay, ông L và bà H ly hôn nên chị yêu cầu ông L giao lại cho chị chiếc xe máy Yamaha Novo biển số 66G1 – 07428.

Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Ông L và bà H cùng thống nhất 01 căn nhà cấp 4 trên đất và thửa đất diện tích 74m², thửa 164, tờ bản đồ số 13, tại khu dân cư Kinh Bảy Thước, thuộc ấp 6, xã PM, huyện CL, giá trị nhà và đất theo kết quả định giá của cơ quan định giá, do ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông L đang quản lý, sử dụng nhà và đất là tài sản chung của vợ và chồng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CL đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Đinh Tấn L.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Đinh Tấn L với bà Trần Thị H.

2. Về con chung: Hiện các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đinh Văn L với bà Trần Thị H về chia tài sản chung cụ thể:

+ Chấp nhận yêu cầu chia đôi diện tích đất 74 m² thuộc thửa 164, tờ bản đồ số 13, tại khu dân cư kinh Bảy Thước, thuộc ấp 6, xã PM, huyện CL và nhà có trên đất ông L tiếp tục quản lý sử dụng, ông L có nghĩa vụ giao lại ½ giá trị của nhà, đất cho bà H là 88.978.000 đồng. Giao cho ông Đinh Văn L được tiếp

tục quản lý, sử dụng diện tích đất 74m² thuộc thửa 164, tờ bản đồ số 13, loại đất ở tại nông thôn đất tọa lạc tại ấp 6, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Trên đất có một căn nhà chính xây dựng lại năm 2011, nhà có kết cấu nền lót gạch men, vách tường, bê tông cốt thép, có đóng la phong ½ căn nhà phía trước, phần sau căn nhà không có đóng la phong, nhà có 01 phòng ngủ, mái lợp tol sóng tròn, cửa kiến. 01 mái che thêm phía trước căn nhà chính và mái hiên phía trước nhà: Mái hiên có đồ li quãng giả, vách một phần xây tường khoảng 1m, phần còn lại phía trên lưới B40, nền lót gạch men, cửa kéo Đài Loan; mái che liền kề phía trước mái hiên có khung sắt vuông, mái tol sóng tròn, chiều dài khoảng 3m, chiều ngang khoảng 4m. Phía trước căn nhà mái hiên, mái che có hàng rào lưới B40, cửa rào sắt.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc chia đôi giá trị của chiếc xe Honda hiệu SH Mode, biển số 66F1-690.08. Giao bà H được tiếp tục sử dụng chiếc xe Honda hiệu SH Mode, biển số 66F1-690.08 và có nghĩa vụ giao lại ½ giá trị còn lại của xe cho ông L là 24.600.000 đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc chia đôi giá trị của chiếc xe YAMAHA biển số 66G1-074.28. Giao ông L tiếp tục sử dụng xe YAMAHA biển số 66G1-074.28 và ông L có nghĩa vụ giao lại cho bà H ½ giá trị còn lại của xe là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn L về việc yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà nằm trên thửa đất 2770, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp 6, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị H. Buộc ông Đinh Văn L có nghĩa vụ giao lại cho bà H số tiền là 60.000.000đ và 83.500.000đ, tổng cộng là 143.500.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ngọc H.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo đạc ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện CL và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Đinh Tấn L, bà Trần Thị H có trách nhiệm, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành kê khai đăng ký sang tên để được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần đất của mình được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm:

Ông Đinh Văn L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông L phải chịu án phí đối với tài sản tranh chấp 13.223.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 10.950.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0004329, 0004336 cùng ngày 16/11/2020 số tiền ông L phải nộp tiếp là 2.279.000 đồng.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản tranh chấp là 13.223.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 4.338.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012580 ngày 20/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp số tiền bà H phải nộp tiếp là 8.885.000 đồng.

Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 525.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012581 ngày 20/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp số tiền chị H phải nộp tiếp là 225.000 đồng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá: số tiền là 4.263.000 đồng ông L đồng ý chịu 2.263.000 đồng, phía bị đơn bà H đồng ý chịu 2.000.000 đồng. Do ông L đã thanh toán xong nên bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền là 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án hôn nhân sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, lệ phí thẩm định, định giá, hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/02/2022, ông Đinh Văn L là nguyên đơn kháng cáo Bản án hôn nhân sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện CL theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Ông L rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 83.500.000 đồng. Giữ nguyên kháng cáo yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà tại thửa 2770, tờ bản đồ số

5, tọa lạc tại ấp 6, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh và không đồng ý giao lại cho bà H 60.000.000 đồng.

Luật sư Nguyễn Văn Hiếu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị H trình bày: Ông Lục kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lục; giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đề giải quyết phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng phúc thẩm, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết phúc thẩm vụ việc.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Ông L làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, kháng cáo làm trong thời hạn luật định, được xem là hợp lệ.

Nhận thấy, ông L kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm buộc ông trả lại cho bà H số tiền 143.500.000đ và không chấp nhận chia tài sản chung đối với căn nhà cất trên thửa đất 2770 là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm ông L thừa nhận có nhận 120.000.000đ tiền hót hụi và bà H có trả hụi chết cho bà Chín Cảnh 167.000.000đ và tại phiên tòa sơ thẩm ông đã đồng ý đưa lại cho bà H 60.000.000đ tiền hót hụi và 83.500.000đ tiền đóng hụi chết. Cấp sơ thẩm buộc ông trả lại số tiền này cho bà H là phù hợp và có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L rút kháng cáo đối với số tiền 83.500.000đ, việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận.

Đối với tiền cất căn nhà trên thửa đất 2770, bà H cho rằng chị H gửi tiền về cất nhà nên không phải là tài sản chung vợ chồng nên không đồng ý chia. Xét thấy, trong năm 2019 chị H có chuyển cho ông Võ Huy Cường số tiền 143

triệu đồng để bà H xây nhà trên thửa đất 2770, mặc dù cấp sơ thẩm chưa làm rõ ông Cường có đưa số tiền này lại cho bà H không nhưng bà H thừa nhận tiền xây nhà là do chị H gửi về phù hợp với lời trình bày của bà H tiền cất nhà là của chị H và bà M là người bán vật liệu xây dựng thì trong năm 2019 có bán cho bà H và chị H vật liệu xây nhà với 3 hóa đơn ngày 25/02/2019, 04/5/2019, 30/7/2019 tiền vật liệu do bà H và chị H trả trong nhiều lần mới xong nên có căn cứ xác định tiền cất nhà là có của chị H. Theo xác nhận ngày 11/01/2022 của ông Gùng thì đầu năm 2019 ông có xây nhà cho ông L bà H, sau khi xây xong thì ông L và bà H trả tiền công là 65 triệu đồng nên có căn cứ xác định ông L bà H cũng có đưa tiền xây dựng căn nhà trên thửa đất 2770. Ông L bà H chỉ đưa 65 triệu đồng để xây nhà, nhưng ông L yêu cầu $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà như định giá là không phù hợp, do đó buộc bà H chia cho ông L 32.500.000đ là có căn cứ. Cấp sơ thẩm không xem xét số tiền ông L bà H trả cho ông Gùng là chưa đảm bảo quyền lợi của ông L. Do đó, ông L kháng cáo có căn cứ chấp nhận một phần.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của của ông L, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS tuyên xử: sửa một phần bản án số 05/2022/DS-ST ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện CL theo hướng buộc bà H chia cho ông L số tiền 32.500.000 đồng. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với số tiền 83.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của luật sư và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về kháng cáo: Ngày 16/02/2022 ông L kháng cáo là còn trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn L, ông L yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4 tại thửa 2770, diện tích 100m, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp 6, xã PM, huyện CL. Hội đồng xét xử xét thấy căn nhà cấp 4 tại thửa 2770, diện tích 100m được khởi công xây dựng vào đầu năm 2019. Bà H cho rằng số tiền xây nhà là của chị Trần Thị Ngọc H (con gái riêng của bà H) gửi về, không phải tài sản của vợ chồng tạo ra. Xét lời trình bày của bà H là không có căn cứ bởi các chứng từ

giao dịch tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ngày 04/9/2018 có nội dung H chuyển cho Cường 102.000.000đ; ngày 13/9/2019 H chuyển cho Cường 110.000.000đ; Giấy nộp tiền mặt tại Ngân hàng BIDV ngày 13/8/2019 số tiền là 10.200.000 đồng nội dung Trần Thị Ngọc H chuyển cho Võ Huy Cường; giấy nộp tiền ngày 16/12/2019 số tiền 12.000.000đồng nội dung Trần Thị Ngọc H chuyển cho Võ Huy Cường; phiếu chứng nhận giao dịch ngày 16/11/2019 là 11.035.000đồng và giấy nộp tiền ngày 12/03/2020 số tiền 15.000.000 đồng người nhận là Võ Huy Cường. Các chứng từ nộp tiền, chuyển tiền nêu trên chị H chuyển cho anh Cường, bà H trình bày sau khi chị H chuyển tiền cho anh Cường thì anh Cường rút tiền ra đưa lại cho bà H nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Chỉ có một biên nhận chuyển tiền ngày 05/10/2017 chị H chuyển 40.000.000 đồng cho bà H là thời điểm rất xa với thời điểm xây dựng nhà vào năm 2019. Mặt khác, các giấy chuyển tiền thể hiện sau thời điểm trả tiền mua vật liệu xây dựng của 03 hóa đơn mua vật liệu xây dựng đề ngày 25/2/2019, 4/5/2019 và 30/7/2019 trên 03 hóa đơn đều ghi trả tiền đủ. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm bà H trình bày số tiền trong ba hóa đơn nói trên là do chị H mang tiền mặt đi trả trực tiếp cho chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Thiện M nên trên ba hóa đơn mua vật liệu xây dựng có ghi “trả tiền đủ”, có lúc bà trực tiếp trả nhiều lần. Điều này cho thấy lời khai của chị H, bà H, chị M khai không nhất quán. Còn ông L cho rằng nguồn tiền xây dựng nhà trên thửa 2770 là của vợ chồng, thời điểm này ông làm công nhân ở Công ty Hùng Cá nên gửi tiền về tích góp để xây dựng nhà (có xác nhận của công ty Hùng Cá) và có xác nhận của ông Gừng là người xây dựng nhà cho vợ chồng ông L, số tiền lương và tiền ông L cho ông L cho anh Vàng, chị Duyên, anh Giang, chị Linh, anh Tuấn, anh Hiếu, chị Trà, chị Tâm, anh Vĩ, anh Hôn, chị Diễm, anh Phương vay tổng cộng 115.000.000đồng + tiền lãi + tiền lương. Lời trình bày của ông L phù hợp với trị giá căn nhà. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh tiền xây dựng căn nhà là tiền của con gái riêng bà H. Ông Lực và bà H xây dựng căn nhà vào năm 2019 là trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy ông L yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4 tại thửa 2770, diện tích 91,5m², tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp 6, xã PM, huyện CL là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Theo biên định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 15/4/2021 giá trị còn lại là $2.862.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 91,5\text{m}^2 = 261.873.000\text{đ}$; $2 = 130.936.500\text{đ}$.

Như vậy bà H có nghĩa vụ giao cho ông L số tiền 130.936.500 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông L về việc không đồng ý giao cho bà H 60.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm ông L thừa nhận bà H có giao cho ông 120.000.000 đồng và đồng ý giao lại cho bà H nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L có nghĩa vụ giao lại cho bà H 60.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông L.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông L rút yêu cầu kháng cáo đối với số tiền nợ hui là 83.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu kháng cáo của ông L là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với số tiền nợ hui là 83.500.000 đồng.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án nhân dân huyện CL xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn L về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà nằm trên thửa đất 2770, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp 6, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp là chưa có căn cứ nên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án hôn nhân gia đình số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện CL.

[6] Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn L đối với số tiền công xây dựng ($65.000.000\text{đ}/2 = 32.500.000$ đồng); không chấp nhận yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 60.000.000 đồng; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với số tiền 83.500.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án hôn nhân gia đình số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện CL theo hướng trên là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần.

[7] Do yêu cầu kháng cáo ông Đinh Văn L được chấp nhận một phần nên ông L không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu L pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn L

2. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Đinh Văn L với bà Trần Thị H.

- Về con chung: Hiện các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn L với bà Trần Thị H về chia tài sản chung cụ thể:

+ Chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị diện tích đất 74 m² và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà có trên đất thuộc thửa 164, tờ bản đồ số 13, tại khu dân cư kinh Bảy Thước, thuộc ấp 6, xã PM, huyện CL.

Buộc ông Đinh Văn L có nghĩa vụ giao cho bà Trần Thị H số tiền 88.978.000 đồng (Tám mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Ông Đinh Văn L tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 74m² thuộc thửa 164, tờ bản đồ số 13, loại đất ở tại nông thôn đất tọa lạc tại ấp 6, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Trên đất có một căn nhà chính xây dựng lại năm 2011, nhà có kết cấu nền lát gạch men, vách tường, bê tông cốt thép, có đóng la phong $\frac{1}{2}$ căn nhà phía trước, phần sau căn nhà không có đóng la phong, nhà có 01 phòng ngủ, mái lợp tol sóng tròn, cửa kiến. 01 mái che thêm phía trước căn nhà chính và mái hiên phía trước nhà: Mái hiên có đỡ li quang giả, vách một phần xây tường khoảng 1m, phần còn lại phía trên lưới B40, nền lát gạch men, cửa kéo Đài Loan; mái che liền kề phía trước mái hiên có khung sắt vuông, mái tol sóng tròn, chiều dài khoảng 3m, chiều ngang khoảng 4m. Phía trước căn nhà mái hiên, mái che có hàng rào lưới B40, cửa rào sắt.

+ Chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4 tại thửa 2770, diện tích 100m² (đo đạc thực tế 91,5m²), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp 6, xã PM, huyện CL.

Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ giao cho ông Đinh Văn Lực số tiền 130.936.500 đồng (Một trăm ba mươi triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng).

Bà Trần Thị H tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà có kết cấu bê tông cốt thép, vách tường có dán gạch, có đóng la phong, nền lót gạch men, mái lợp tol sóng tròn xây dựng năm 2019.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn L về việc chia $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe Honda hiệu SH Mode, biển số 66F1-690.08.

Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ giao cho ông Đinh Văn Lực số tiền 24.600.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị H tiếp tục quản lý, sử dụng chiếc xe Honda hiệu SH Mode, biển số 66F1-690.08.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn L về việc chia $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe YAMAHA biển số 66G1-074.28.

Buộc ông Đinh Văn L có nghĩa vụ giao cho bà Trần Thị H số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ông Đinh Văn L tiếp tục quản lý, sử dụng xe YAMAHA biển số 66G1-074.28.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị H.

Buộc ông Đinh Văn L có nghĩa vụ giao lại cho bà Trần Thị H số tiền là 60.000.000 đồng và 83.500.000 đồng, tổng cộng là 143.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ngọc H.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện CL và sơ đồ đo đạc ngày 27/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Đinh Văn L, bà Trần Thị H có trách nhiệm, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành kê khai đăng ký sang tên để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần đất của mình được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án thi hành chưa xong, thì phải chịu lãi được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

- Ông Đinh Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông L phải chịu án phí đối với tài sản tranh chấp 19.775.700 đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 10.950.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0004329, 0004336 cùng ngày 16/11/2020 số tiền ông L phải nộp tiếp là 8.825.700 đồng.

- Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản tranh chấp là 19.775.700 đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 4.338.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012580 ngày 20/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp số tiền bà H phải nộp tiếp là 15.437.700 đồng.

- Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000đ. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 525.000đ theo biên lai thu tiền số 0012581 ngày 20/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp số tiền chị H phải nộp tiếp là 225.000đ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá: số tiền là 4.263.000 đồng ông L đồng ý chịu 2.263.000 đồng, bà H đồng ý chịu 2.000.000 đồng. Do ông L đã thanh toán xong khoản tiền nên bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền là 2.000.000 đồng.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sự phúc thẩm

Ông Đinh Văn L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0007320 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu L pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu L pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước